



Ngân hàng toàn cầu am hiểu địa phương

## Biểu Phí Dịch Vụ Tài Chính Cá Nhân

A. TÀI KHOẢN TIỀN GỬI AN LỢI & TÀI KHOẢN GIAO DỊCH VẮNG LAI (VND VÀ NGOẠI TỆ)	
Tài khoản mở tại HSBC Việt Nam	Miễn phí
Tài khoản đóng trong vòng 12 tháng kể từ ngày mở	300.000VND
Số dư tối thiểu duy trì trong vòng 12 tháng kể từ ngày mở	300.000VND
Số dư trung bình tối thiểu trong tài khoản hàng tháng	3.000.000VND
Phi dịch vụ nếu số dư trung bình tối thiểu hàng tháng thấp hơn quy định	200.000VND/tháng
Phi đối với tài khoản không hoạt động trên 12 tháng	200.000VND/tháng

A1. GỬI TIỀN MẶT		
VND	Tiền mệnh giá lớn (50.000VND trở lên)	Miễn phí
	Tiền mệnh giá nhỏ (áp dụng cho tổng số tiền gửi mệnh giá nhỏ từ 10 triệu VND trở lên cho 1 lần gửi)	0,22% (tối thiểu 110.000VND)
Ngoại tệ	Tiền mệnh giá lớn (50USD hoặc tương đương trở lên)	Miễn phí
	Tiền mệnh giá nhỏ (áp dụng cho tổng số tiền gửi mệnh giá nhỏ từ 1000USD (hoặc tương đương) trở lên cho 1 lần gửi)	0,33% (tối thiểu 110.000VND)

A2. RÚT TIỀN MẶT	
VND	Miễn phí
Ngoại tệ	0,33% (tối thiểu 44.000VND)

A3. BÀN SAO KÊ	
Bản sao kê điện tử hàng tháng đối với khách hàng sử dụng Dịch Vụ Ngân Hàng Trực Tuyến	Miễn phí
Bản sao kê hàng tháng đối với khách hàng không sử dụng Dịch Vụ Ngân Hàng Trực Tuyến	Miễn phí
In các giao dịch chưa lập sao kê	33.000VND/bản sao
In lại bản sao kê - trong vòng 12 tháng	110.000VND/bản sao/chu kỳ sao kê
In lại bản sao kê - trên 12 tháng	165.000VND/bản sao/chu kỳ sao kê

A4. THẺ THANH TOÁN QUỐC TẾ HSBC	
Chi Phí thường niên	Miễn phí
Chi Phí rút tiền mặt	
Tại Việt Nam:	
+ Tại máy ATM của HSBC và tại máy ATM của Techcombank	Miễn phí
+ Tại máy ATM của mạng VISA/PLUS (*)	20.000 VND/giao dịch
Tại nước ngoài:	
+ Tại máy ATM của HSBC	45.000 VND/giao dịch
+ Tại máy ATM của mạng VISA/PLUS (*)	60.000 VND/giao dịch
Chi Phí cấp lại số PIN	Miễn phí
Chi Phí in bản sao hóa đơn giao dịch	100.000 VND/bản
Chi Phí cấp lại thẻ	200.000 VND/thẻ
Chi Phí khiếu nại và yêu cầu kiểm tra	200.000 VND/trường hợp lỗi trong giao dịch là do Chủ thẻ
Chi Phí quản lý áp dụng cho các giao dịch bằng ngoại tệ	3% số tiền trên mỗi giao dịch
(*) Việc rút tiền mặt tại hệ thống ATM của ngân hàng khác nằm trong mạng VISA/PLUS có thể sẽ bị tính thêm một khoản phí do ngân hàng đó quy định.	

A5. DỊCH VỤ NGÂN HÀNG TỰ ĐỘNG	
5.1 Dịch Vụ Ngân Hàng Qua Điện Thoại	Miễn phí
5.2 Dịch Vụ Ngân Hàng Trực Tuyến	Miễn phí
Phi thay thiết bị bảo mật (mất hoặc hư hỏng)	
+ Trong nước	220.000VND
+ Nước ngoài	550.000VND

B. THẺ TÍN DỤNG HSBC			
Chi Phí thường niên	Thẻ Visa Bạch Kim	Thẻ Visa Vàng	Thẻ Visa Chuẩn
+ Thẻ chính	1.500.000 VND	600.000VND	300.000VND
+ Thẻ phụ	1.000.000 VND	400.000VND	200.000VND
Chi Phí ứng tiền mặt tại máy ATM (cho mỗi giao dịch)	4% số tiền mặt ứng trước, tối thiểu 50.000VND.		
Khoản thanh toán tối thiểu	5% của số dư nợ cuối kỳ (tối thiểu 50.000VND) cộng với khoản nợ quá hạn và khoản vượt hạn mức tín dụng.		
Lãi suất (không áp dụng nếu không có khoản tiền mặt nào được ứng trước và toàn bộ số dư trên tài khoản được thanh toán trước ngày đáo hạn mỗi tháng.)	Thẻ Visa Bạch Kim	2%/tháng	
Lãi suất này có thể thay đổi cho phù hợp với các quy định của nhà nước	Thẻ Visa Vàng	2,15%/tháng	
	Thẻ Visa Chuẩn	2,25%/tháng	
Chi Phí chậm thanh toán	4% khoản nợ tối thiểu (tối thiểu 80.000VND)		
Chi Phí cấp lại bản sao chi tiết tài khoản	100.000VND/bản		
Chi Phí cấp bản sao kê chi tiết có xác nhận của ngân hàng	165.000VND/bản		
Chi Phí vượt hạn mức tín dụng	100.000VND		
Chi phí cấp lại thẻ (cho thẻ bị thất lạc hoặc hư hỏng)	200.000VND		
Chi Phí cấp lại số PIN	Miễn phí		
Chi Phí in bản sao biên nhận giao dịch	100.000VND/bản		
Chi Phí thay đổi hạn mức tín dụng	100.000VND/lần		
Chi Phí khiếu nại và yêu cầu kiểm tra	200.000VND trong trường hợp lỗi trong giao dịch là do Chủ Thẻ		
Chi Phí quản lý áp dụng cho các giao dịch bằng ngoại tệ			
+ Thẻ Visa Bạch Kim	2,25% số tiền trên mỗi giao dịch		
+ Thẻ Visa Vàng	2,5% số tiền trên mỗi giao dịch		
+ Thẻ Visa Chuẩn	3% số tiền trên mỗi giao dịch		
Chi Phí Dịch vụ thu hộ tại Buu điện	0,1% số tiền thanh toán (tối thiểu 20.000 VND)		

C. CÁC LOẠI GIAO DỊCH CHUYỂN KHOẢN			
1. Nhận tiền			
Trong nước	Ghi có vào tài khoản HSBC	Miễn phí	
Từ nước ngoài	Ghi có vào tài khoản HSBC	Miễn phí	
2. Chuyển tiền bằng điện tin (dành cho khách hàng có tài khoản tại HSBC)			
Trong nước	Giao dịch tại quầy	Dưới 500.000.000VND	0,055% (tối thiểu 44.000VND)
		Từ 500.000.000VND trở lên	0,055% (tối đa 1.100.000VND)
Nước ngoài	Giao dịch tại quầy	Ngân Hàng Trực Tuyến	0,033% (tối thiểu 22.000VND)
		Ngân Hàng Trực Tuyến	0,22% (tối thiểu 440.000VND - tối đa 4.400.000VND)
Nước ngoài	Ngân Hàng Trực Tuyến		0,11% (tối thiểu 220.000VND - tối đa 2.200.000VND)
3. Phát hành hối phiếu			
Khách hàng có tài khoản tại HSBC Việt Nam		0,33% (tối thiểu 330.000VND - tối đa 3.300.000VND) + 440.000VND chi phí bưu điện	
4. Các loại phí khác			
Tra soát / Sửa đổi / Hủy bỏ lệnh chuyển tiền trong nước bằng Điện tin		55.000VND	
Tra soát / Sửa đổi / Hủy bỏ lệnh chuyển tiền nước ngoài bằng Điện tin hoặc Hối phiếu		1.100.000VND + chi phí phát sinh tại ngân hàng nước ngoài nếu có	
* Lưu ý: Mọi chi phí phát sinh tại các ngân hàng khác do khách hàng chi trả			

D. TIỀN GỬI CÓ KỲ HẠN (VND VÀ NGOẠI TỆ)	
Rút tiền mặt	
+ Vào ngày đáo hạn	<ul style="list-style-type: none"> <li>VND: Miễn phí</li> <li>Ngoại tệ: 0,33% (tối thiểu 44.000VND). Miễn phí nếu tiền gửi này đã duy trì được 3 tháng.</li> </ul>
+ Trước ngày đáo hạn (Ngân hàng sẽ tính phí rút trước kỳ hạn trong trường hợp lãi suất thị trường cho kỳ hạn còn lại cao hơn lãi suất hợp đồng ban đầu của khoản tiền gửi có kỳ hạn)	<ul style="list-style-type: none"> <li>VND: Miễn phí</li> <li>Ngoại tệ: 0,33% (tối thiểu 44.000VND). Miễn phí nếu tiền gửi này đã duy trì được 3 tháng.</li> <li>Lãi suất được áp dụng là lãi suất của tài khoản tiền gửi không kì hạn</li> </ul>

E. THU HỘ HỐI PHIẾU / SEC	
1. Phát hành bởi Ngân Hàng HSBC Việt Nam	
VND	Miễn phí
Ngoại tệ	0,33% (tối thiểu 44.000VND)
2. Phát hành bởi Chi nhánh HSBC ở nước ngoài	
	1,1% (tối thiểu 330.000VND) + 440.000VND chi phí bưu điện
* Lưu ý: Mọi chi phí phát sinh tại các ngân hàng khác do khách hàng chi trả	

F. SẴC DU LỊCH		
Đổi sang tiền mặt - Séc du lịch phát hành bởi HSBC		Miễn phí
Đổi sang tiền mặt - Séc du lịch phát hành bởi tổ chức khác	Ghi có vào tài khoản tại HSBC Việt Nam	0,55% (tối thiểu 110.000VND)
	Khách hàng có tài khoản tại HSBC (nhận tiền mặt)	1,1% (tối thiểu 165.000VND)
	Khách hàng không có tài khoản tại HSBC	2,2% (tối thiểu 220.000VND)

G. CÁC PHỤ PHÍ KHÁC	
1. Fax	
Trong nước	55.000VND/trang
Ngoại nước	110.000VND/trang
2. Phát chuyển nhanh	
Trong nước	110.000VND/thu
Ngoại nước	880.000VND/thu
3. Cước bưu điện	
Trong nước	55.000VND/thu
Ngoại nước	110.000VND/thu

\* Lưu ý: Tất cả các dịch vụ sẽ được tiến hành cẩn thận. Tuy nhiên, Ngân hàng sẽ không chịu trách nhiệm về mọi sự mất mát, chậm trễ, sai trái, thiếu hụt hay hư hại chỉ có thể xảy ra trong quá trình

4. Chi thị định kỳ (thiết lập và chỉnh sửa)	165.000VND
5. Xác nhận của Ngân hàng	165.000VND / bản sao
6. Phí rút tiền mặt từ 500.000.000VND trở lên trong vòng 48 tiếng kể từ lúc gửi	0,055% (tối đa 3.300.000VND)
7. Yêu cầu nhận tiền mặt trong trường hợp khẩn của khách hàng trong tập đoàn HSBC	440.000VND
8. Phí xử lý chứng từ	6.600.000VND
9. Điện phí	220.000VND
10. Khóa tài khoản theo yêu cầu của chủ tài khoản	220.000/ tài khoản / bản sao
11. Đổi tiền mặt VND không đủ tiêu chuẩn lưu thông	4% (tối thiểu 2.000VND)

## Personal Banking Tariff

### A. CURRENT AND SAVINGS ACCOUNT (VND & FOREIGN CURRENCIES)

Account opening within Vietnam	Free
Account closure within 12 months of opening	VND300,000
Minimum credit balance within 12 months of opening	VND300,000
Minimum monthly average balance	VND3,000,000
Service charge if average monthly balance falls below the minimum requirement	VND200,000/month
Service charge if account has no transaction for more than 12 months	VND200,000/month

### A1. CASH DEPOSIT

VND	Large denomination (VND50,000 and above)	Free
	Small denomination (applicable for total small denomination deposit from VND10million and above per deposit)	0.22% (min VND110,000)
Foreign currency	Large denominations (above USD50 or equivalent)	Free
	Small denomination (applicable for total small denomination deposit from USD1,000 and above per deposit)	0.33% (min VND110,000)

### A2. CASH WITHDRAWALS

In VND	Free
In Foreign Currency	0.33% (min VND44,000)

### A3. STATEMENT

Monthly e-statement for Internet Banking customer	Free
Monthly print statement for Non-Internet Banking customer	Free
Request for print interim statement	VND33,000/copy
Request for print statement - within 12 months	VND110,000/copy/statement cycle
Request for print statement - 12 months ago and above	VND165,000/copy/statement cycle and above

### A4. HSBC DEBIT CARD

Annual fee	Free
Cash withdrawal transaction fee	
In Vietnam:	
+ HSBC ATMs and Techcombank ATMs	Free
+ VISA/PLUS network (*)	VND20,000/ transaction
Overseas:	
+ HSBC ATMs	VND45,000/ transaction
+ VISA/PLUS network (*)	VND60,000/ transaction
PIN replacement fee	Free
Sales slip retrieval fee	VND100,000/copy
Card replacement fee	VND200,000/card
Dispute investigation fee	VND200,000 for dispute transaction found genuine
Administration fee applied for foreign currency transactions	3% of transaction amount

(\*) Cash withdrawal at VISA/PLUS network might be subject to the additional charge of other banks.

### A5. SELF SERVICE BANKING

5.1 PhoneBanking	Free
5.2 Internet Banking	Free
Security device replacement (lost or damaged)	
+ Within Vietnam	VND220,000
+ Overseas	VND550,000

### B. HSBC CREDIT CARD

Annual Fee	Visa Platinum	Visa Gold	Visa Classic
+ Primary Card	VND 1,500,000	VND600,000	VND300,000
+ Supplementary Card	VND 1,000,000	VND400,000	VND200,000
Cash advance fee at ATMs (per transaction)	4% of cash advance amount, minimum VND50,000.		
Minimum payment due	5% of statement balance (minimum VND50,000) plus the overdue and plus the overlimit amount.		
Finance charge (nil if no cash advance is used and the full statement balance is paid by due date each month.) The finance charge may be changed from time to time in accordance with the local regulatory requirements.	Visa Platinum	2%/month	
	Visa Gold	2.15%/month	
	Visa Classic	2.25%/month	
Late charge	4% of minimum amount due (minimum VND80,000)		
Duplicate statement	VND100,000/copy		
Credit card balance certificate	VND165,000/copy		
Over credit limit fee	VND100,000		
Card replacement fee (For lost or damage)	VND200,000		
PIN re-issue fee	Free		
Sales slip retrieval fee	VND100,000/copy		
Change credit limit fee	VND100,000/request		
Dispute investigation fee	VND200,000 for dispute transaction found genuine		
Administration fee applied for foreign currency transaction			
+Visa Platinum	2.25% of transaction amount		
+Visa Gold	2.5% of transaction amount		
+Visa Classic	3% of transaction amount		
Repayment via VNPost Counters Charge	0.1% of payment amount (minimum VND 20,000)		

### C. REMITTANCE

1. Inward remittance			
Inside Vietnam	Credit to account with HSBC	Free	
From overseas	Credit to account with HSBC	Free	
2. Outward remittance (for HSBC account holder)			
Inside Vietnam	Paper-based	Below VND500,000,000	0.055% (min VND44,000)
		From VND500,000,000	0.055% (max VND1,100,000)
	Internet Banking		0.033% (min VND22,000)
Overseas	Paper-based		0.22% (min VND440,000 - max VND4,400,000)
	Internet Banking		0.11% (min VND220,000 - max VND2,200,000)
3. Demand draft issuance			
	HSBC account holder		0.33% (min VND330,000 - max VND3,300,000) + VND440,000 courier charge
4. Other fees			
	Investigation / Amendment / Cancellation of Inside Vietnam Outward remittance		VND55,000
	Investigation / Amendment / Cancellation of Overseas Outward Remittance / Demand draft		VND1,100,000 + overseas bank charge if any

\* **Note:** Related fees charged by other banks shall be born by customers

### D. TIME DEPOSIT (VND & FOREIGN CURRENCIES)

Cash withdrawal		
+ At maturity		<ul style="list-style-type: none"> <li>VND: Free</li> <li>FCY: 0.33% (minVND44,000) as cash withdrawal fee. Free if whole time life of the TMD passed 3 months</li> </ul>
+ Pre-maturity (Break cost is applied when the market interest for the remaining time is higher than the original term deposit rate)		<ul style="list-style-type: none"> <li>VND: Free</li> <li>FCY: 0.33% (minVND44,000) as cash withdrawal fee. Free if whole time life of the TMD passed 3 months</li> <li>Lowest demand interest rate will be applied</li> </ul>

### E. COLLECTION

1. Inward collection (instrument drawn on HSBC)		
VND		Free
Foreign currency		0.33% (min VND44,000)
2. Outward collection (instrument drawn on HSBC offices overseas)		1.1% (min VND330,000)+ VND440,000 courier charge
* <b>Note:</b> Related fees charged by other banks shall be born by customer		

### F. TRAVELLERS CHEQUE (TC)

Encashment - For TC issued by HSBC		Free
Encashment - For TC issued by other parties	Credit to account at HSBC	0.55% (min VND110,000)
	Local or group's account holder	1.1% (min VND165,000)
	Non HSBC account holder	2.2% (min VND220,000)
* <b>Note:</b> Related fees charged by other banks shall be born by customer		

### G. MISCELLANEOUS FEE

1. Fax (per page)		
Inside Vietnam		VND55,000/page
Overseas		VND110,000/page
2. Courier charges		
Inside Vietnam		VND110,000/letter
Overseas		VND880,000/letter
3. Postage fee		
Inside Vietnam		VND55,000/letter
Overseas		VND110,000/letter
* <b>Note:</b> While all due care will be taken, the Bank accepts no responsibility for any loss, delay, error, omission or mutilation which may occur in the delivery of any document		
4. Standing instruction (set-up and amendment)		VND165,000
5. Balance certificate		VND165,000/copy
6. Cash withdrawal fee for amount from and above VND500,000,000 within 48 hours from depositing from the time of deposit		0.055% (max VND3,300,000)
7. Emergency encashment for HSBC group customer		VND440,000
8. Documentation processing fee		VND6,600,000
9. Telex fee		VND220,000
10. Account blockade as account holder's request		VND220,000/account/copy
11. Torn or bad VND notes exchange		4% (min VND2,000)